

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN
(LOTUS CAPITAL)



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2018

Mục Lục

CHƯƠNG I.....	4
NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG	4
Điều 1. Định nghĩa.....	4
Điều 2. Tên công ty.....	5
Điều 3. Hình thức sở hữu và phạm vi trách nhiệm	5
Điều 4. Địa chỉ trụ sở chính, trụ sở chi nhánh và văn phòng đại diện tại Việt Nam.....	5
Điều 5. Nghiệp vụ kinh doanh.....	6
Điều 6. Thời hạn hoạt động	6
Điều 7. Người đại diện theo pháp luật	6
CHƯƠNG II.....	6
VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG.....	6
Điều 8. Vốn điều lệ và điều chỉnh tăng giảm vốn điều lệ.....	6
Điều 9. Cổ phần của Công ty.....	7
Điều 10. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần.....	7
Điều 11. Mua lại cổ phần.....	8
Điều 12. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	10
Điều 13. Thừa kế cổ phần.....	10
Điều 14. Phát hành trái phiếu	10
Điều 15. Cổ phiếu	11
Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông.....	11
Điều 17. Cổ đông	12
Điều 18. Quyền của cổ đông phổ thông.....	12
Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông.....	14
Điều 20. Trả cổ tức	15
Điều 21. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức	15
CHƯƠNG III	16
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY	16

Điều 22. Hình thức tổ chức của Công ty.....	16
Điều 23. Tổng giám đốc.....	16
Điều 24. Quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc.....	16
Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc.....	16
Điều 26. Thù lao, tiền lương và thưởng của người quản lý công ty.....	17
Điều 27. Kiểm toán nội bộ.....	17
Điều 28. Kiểm soát nội bộ.....	17
Điều 29. Quy định chung của Đại hội cổ đông.....	18
Điều 30. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 31. Thẩm quyền và các trường hợp triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 32. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 33. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 34. Quyền dự họp và quyền Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 35. Thay đổi chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 36. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 37. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 38. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 39. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 40. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 41. Hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 42. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 44. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.....	29
Điều 45. Thành viên hội đồng quản trị.....	30
Điều 46. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	31
Điều 47. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	31
Điều 48. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	32
Điều 49. Hủy bỏ quyết định của Hội đồng quản trị.....	33
Điều 50. Công khai các lợi ích liên quan.....	33

Điều 51. Nghĩa vụ của người quản lý công ty	34
Điều 52. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	34
CHƯƠNG IV	35
TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ VÀ HẠN CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	35
Điều 53. Các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty	35
Điều 54. Hạn chế đối với hoạt động của Công ty và nhân viên làm việc tại Công ty	41
Điều 55. Ủy quyền hoạt động	43
Điều 56. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác và thay thế công ty quản lý quản lý quỹ khác	45
Điều 57. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp	46
CHƯƠNG V	46
TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY	46
Điều 58. Năm tài chính	46
Điều 59. Kế toán, kiểm toán, thuế	47
Điều 60. Phân phối lợi nhuận	47
Điều 61. Chế độ công bố thông tin và nghĩa vụ báo cáo	47
CHƯƠNG VI	48
GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY	48
Điều 62. Giải thể Công ty	48
Điều 63. Phá sản công ty	48
Điều 64. Tái cơ cấu công ty	48
Điều 65. Chuyển đổi loại hình Công ty	49
CHƯƠNG VII	50
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	50
Điều 66. Hiệu lực của Điều lệ	50
Điều 67: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	50
Điều 68. Đăng ký Điều lệ và chữ ký	50

CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Luật Doanh nghiệp ngày ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 05/12/2012 hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ;
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

CHƯƠNG I
NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Định nghĩa

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

- a. “Công ty” có nghĩa là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen;
- b. “Vốn điều lệ” có nghĩa là số vốn do các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu công ty thực góp và được ghi vào điều lệ Công ty;
- c. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- d. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- e. “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;
- f. “Pháp luật” là tất cả những văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được ban hành ngày 12 tháng 11 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 16 tháng 12 năm 2002;

g. “Người quản lý Công ty” có nghĩa là Chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

h. “Những người liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;

i. “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

j. “UBCKNN” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của điều lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên công ty

1. Tên đầy đủ viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

2. Tên đầy đủ viết bằng tiếng Anh: LOTUS CAPITAL INCORPORATION

3. Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

4. Tên viết tắt: LOTUS CAPITAL

5. Việc thay đổi tên của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phải được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 3. Hình thức sở hữu và phạm vi trách nhiệm

1. Công ty được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan với những điều khoản và điều kiện nêu trong Điều lệ này.

2. Các cổ đông góp vốn thành lập Công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn góp của mình.

3. Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, tài khoản riêng, độc lập về tài chính.

4. Công ty được thành lập trên cơ sở tự nguyện tham gia góp vốn của các cổ đông.

Điều 4. Địa chỉ trụ sở chính, trụ sở chi nhánh và văn phòng đại diện tại Việt Nam

1. Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ: Phòng 1806, Tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Điện thoại: (024) 3537 0909

- Fax: (024) 3222 2754

- Địa chỉ trang web: www.lotuscapital.vn

2. Trụ sở chi nhánh của Công ty: Tại ngày thông qua Điều lệ này, Công ty chưa có chi nhánh.

3. Văn phòng đại diện của Công ty: Tại ngày thông qua Điều lệ này, Công ty chưa có văn phòng đại diện.

4. Việc mở, đóng chi nhánh, văn phòng đại diện và thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, trụ sở chi nhánh và văn phòng đại diện do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với Luật Doanh nghiệp và phải được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 5. Nghiệp vụ kinh doanh

Công ty được phép tiến hành các hoạt động kinh doanh đã ghi trong giấy phép thành lập và hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, bao gồm các hoạt động sau:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Các nghiệp vụ kinh doanh khác được pháp luật cho phép

Điều 6. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn bắt đầu từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ khi bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú tại Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi (30) ngày thì phải ủy quyền cho thành viên khác của Công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện pháp luật Công ty được quy định trong Điều lệ này.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của Công ty:

Ông:	Cao Hoài Thanh	Giới tính: Nam
Sinh ngày:	11/03/1972	Quốc tịch: Việt Nam
Số CCCD:	038072000057	Ngày cấp: 15/08/2014
Nơi cấp:	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	
Hộ khẩu thường trú:	41 Ngõ 102 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

Điều 8. Vốn điều lệ và điều chỉnh tăng giảm vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 VND (Hai mươi lăm tỷ đồng Việt Nam) do cổ đông

đóng góp bằng tiền.

2. Vốn điều lệ của Công ty có thể tăng tùy theo nhu cầu kinh doanh, đầu tư và quy mô hoạt động của Công ty phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

3. Công ty có thể tăng vốn điều lệ dưới các hình thức sau:

- a) Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của pháp luật;
- b) Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần;
- c) Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu;
- d) Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ.

4. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước và sau khi thực hiện việc tăng vốn điều lệ và đảm bảo việc tăng vốn điều lệ của Công ty đáp ứng được các quy định của pháp luật.

Điều 9. Cổ phần của Công ty

1. Công ty chỉ có duy nhất một loại cổ phần là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

2. Mỗi cổ phần phổ thông tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 10. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;

c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

2. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.

b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành;

c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;

d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán.

3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

4. Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

5. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện Ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.

Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

6. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 11. Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

a) Cổ đông biểu quyết phân đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại.

Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định với giá thị trường tại thời điểm mua lại hoặc dựa trên cơ sở giá trị hợp lý tại phương án tổ chức lại Công ty, báo cáo thẩm định của tổ chức tư vấn độc lập, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

2.1. Công ty được mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán làm cổ phiếu quỹ. Cổ phiếu quỹ không được hưởng các quyền phát sinh từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.